

NHỮNG KHUYNH HƯỚNG CƠ BẢN CỦA PHẬT GIÁO NAM BỘ CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX

NGUYỄN VĂN QUÝ*

Trong lịch sử hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ, Phật giáo luôn đóng vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của người dân. Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, trong bối cảnh đất nước bị thực dân Pháp đô hộ, Phật giáo Nam Bộ đã gặp nhiều thách thức về chính trị, tư tưởng, văn hóa, tôn giáo... tuy nhiên, thời kỳ này nhiều tăng sĩ, cư sĩ ở Nam Bộ có tâm huyết với Phật giáo đã vận động Giáo hội Tăng già cải cách và kết quả là phong trào chấn hưng Phật giáo ở Nam Bộ hình thành và lan ra miền Trung, miền Bắc.

Nghiên cứu này tiếp cận theo hướng sử học tôn giáo nhằm nêu lên hai khuynh hướng vận động cơ bản của Phật giáo Nam Bộ thời kỳ này: thành lập các hội Phật giáo cùng sự ra đời của những tạp chí Phật học; hình thành các hệ phái Phật giáo mới.

Từ khóa: hiện tượng tôn giáo mới, khuynh hướng Phật giáo Nam Bộ, phong trào chấn hưng

Nhận bài ngày: 29/1/2021; đưa vào biên tập: 10/3/2021; phản biện: 14/5/2021; duyệt đăng: 10/7/2021

1. DẪN NHẬP

Vùng đất Nam Bộ từ thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XIX hội tụ nhiều tộc người (Việt, Khmer, Chăm, Hoa) có sự giao thoa văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo khá sâu đậm. Trần Bạch Đằng nhận xét: “Hành trang tôn giáo

của lưu dân vào đất mới có đủ tam giáo và đạo thờ tổ tiên, ông bà. Tuy nhiên, Nho giáo vốn không sâu sắc đối với đa số lưu dân ít học, về sau lại tỏ ra bất lực đối với cuộc xâm lăng của thực dân Pháp, nên Phật giáo và Đạo giáo nổi trội cùng với ma thuật cổ truyền trộn lẫn với nhau” (dẫn theo Đỗ Quang Hưng, 2001: 24-25).

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

Vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, tầng lớp địa chủ và thực dân Pháp tìm mọi cách khai thác tài nguyên, bóc lột sức lao động khiến cho đời sống cư dân khốn khổ. Các phong trào khởi nghĩa bị đàn áp khốc liệt. "Không khí chính trị lại càng trở lên ngột ngạt khi Pháp và Nhật ra sức tranh giành ảnh hưởng tại Việt Nam. Các phong trào yêu nước của nhân dân ta bị triều đình Huế và thực dân Pháp đàn áp khốc liệt, tầng lớp trí thức rơi vào trạng thái bế tắc. Người dân Nam Bộ thời bấy giờ mất phương hướng và khủng hoảng niềm tin sâu sắc" (Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam và Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn TPHCM, 2015: 234).

Trong bối cảnh như vậy, nhiều hiện tượng tôn giáo mới đã nảy sinh rồi tàn lụi như đạo Dừa, đạo Nắm..., có hiện tượng tôn giáo mới hình thành và phát triển cho đến ngày nay, như đạo Cao Đài, đạo Hòa Hảo, Tứ Ân Hiếu Nghĩa... góp phần làm cho đời sống tín ngưỡng tôn giáo ở Nam Bộ đa sắc.

Bên cạnh sự ra đời, phát triển hay tàn lụi của nhiều hiện tượng tôn giáo mới, Nho giáo vẫn in đậm trong ứng xử của người dân; Đạo giáo vẫn len lỏi trong cộng đồng người Hoa, người Việt với bùa chú, những phương pháp chữa bệnh dân gian. Những tôn giáo có nguồn gốc phương Tây như Kitô giáo sau một thời gian dài trầm trở đã hiện diện trong một bộ phận tầng lớp nhân dân; đạo Tin Lành mới du nhập những năm đầu thế kỷ XX nhưng đã có những ảnh hưởng đến sinh hoạt của

các tôn giáo khác. Phật giáo vẫn luôn là một tôn giáo phổ biến nhất ở Nam Bộ trong thời kỳ này và có ảnh hưởng lớn đến đời sống tinh thần của người dân, đồng thời còn là nền tảng tư tưởng, giáo lý trong việc hình thành các hiện tượng tôn giáo mới. Tuy nhiên, trong bối cảnh đất nước có nhiều biến động, Phật giáo Việt Nam nói chung và Phật giáo Nam Bộ nói riêng buộc phải "canh tân" sau một thời gian dài suy thoái.

2. TÌNH HÌNH PHẬT GIÁO NAM BỘ CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX

Đến cuối thế kỷ XIX, những biến động về đời sống chính trị, xã hội của đất nước với sự hiện diện của thực dân Pháp đã khiến tam giáo và nhất là Phật giáo suy thoái nghiêm trọng, không giữ được vai trò trong việc định hướng tâm linh cho người dân.

Đối với Phật giáo Nam Bộ, thách thức đầu tiên ở ngay chính bản thân tôn giáo này. Tình trạng tăng già rời rạc, tu sĩ thất học, buông lỏng giới luật..., đến nỗi cư sĩ Khánh Vân than rằng: "Có kẻ mượn Phật làm danh, cũng ngày đêm hai buổi công phu, thọ trì, sóc vọng, cũng sám hối như ai... lại thủ dị cầu kỳ, học thêm bùa ngải, luyện roi thần, làm bạn với Thiên Linh Cái, lúc ông lên, lúc bà xuống, ngáp ngáp dài, thư phù niệm chú, gọi là cứu nhân độ thế, nhưng lợi dụng lòng mê muội của chư thiện tín mở rộng túi tham quơ quét cho sạch sành sanh. Than ôi! Họ phải ma vương sao mà làm chuyện trò cười cho ngoại đạo? Vậy mà cũng nên mặt trụ trì! Hiện

trạng như thế, bảo sao chẳng suy đồi. Làm tấm bia cho các nhà duy vật mĩa mai"⁽¹⁾. Phật giáo ở miền Trung và miền Bắc cũng trong tình trạng tương tự, cư sĩ Thanh Quang viết: "Đau đớn thay xứ ta, những hạng người xuất gia vào chùa phần nhiều chỉ học đặng vài bộ kinh, lo luyện hơi cho hay, tập nhíp tán cho già, nay lãnh đám này mai lãnh đám khác; cũng trảng hạt, cũng cà sa, thử lật mặt trái của họ mà xem thì có khác nào người trần tục"⁽²⁾. Như vậy, Phật giáo Việt Nam nói chung và Phật giáo Nam Bộ nói riêng thời kỳ này suy thoái bởi đội ngũ tăng già một phần không am hiểu giáo lý Phật giáo, một phần chịu tác động của bối cảnh xã hội dẫn đến giới luật lỏng lẻo, hoạt động mê tín gây mất niềm tin đối với tín đồ, người dân.

Thứ hai, sự xuất hiện của các hiện tượng tôn giáo mới "vừa như sự thách thức, vừa như nhằm thay thế vai trò chi phối xã hội của đạo Phật chính thống. Nhiều tín đồ của đạo Phật đã bỏ đạo của mình đi theo các đạo trên, nhất là theo đạo Cao Đài, hoặc tách ra theo đạo Thiên Chúa hay trở thành người không đạo. Theo đà này, nếu đạo Phật không thay đổi thì sẽ có [...] nguy cơ diệt vong" (Nguyễn Tài Thư, 1988: 430). Phật giáo bấy giờ không còn là điểm tựa tinh thần cho người dân, niềm tin của người dân vào tăng già bị suy giảm. Một bộ phận không nhỏ Phật tử đã tìm đến các tôn giáo mới, Công giáo và Tin Lành.

Thứ ba, trên thế giới những ý tưởng về một tổ chức Phật giáo mang tầm

quốc tế đã xuất hiện cuối thế kỷ XIX⁽³⁾ trong bối cảnh khoa học kỹ thuật phát triển, sự giao lưu Đông - Tây mở rộng. Tư tưởng, văn hóa phương Tây theo dấu chân của những nhà truyền giáo (Công giáo, Tin Lành) ngày càng ảnh hưởng đến các nước ở phương Đông trên nhiều bình diện, nhất là chính trị, văn hóa, làm cho tăng già tại các nước có nền Phật giáo lâu đời thức tỉnh. Từ cuối thế kỷ XIX, Phật giáo ở các nước Srilanka, Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản đã bắt đầu canh tân và các tăng sĩ đã truyền bá Phật giáo đến các nước ngoài địa vực Châu Á, làm cho người phương Tây bắt đầu quan tâm hơn đến văn hóa Phật giáo, như Henry Steel Olcott (1832-1907) người Mỹ⁽⁴⁾ hay Tăng sĩ Anagarika Dharmapala (1864-1933) người Sri Lanka⁽⁵⁾; Đại sư Thái Hư (1898-1947) người Trung Quốc⁽⁶⁾. Những hoạt động của họ là nguồn cổ vũ to lớn cho ý tưởng chấn hưng Phật giáo của những tăng sĩ thế giới và tăng già Nam Bộ thời bấy giờ.

Chính ở thời điểm này, đã xuất hiện nhiều vị cao tăng tâm huyết với Phật giáo như: hòa thượng Tâm Thông chùa Trường Thọ, hòa thượng Từ Phong chùa Giác Hải, hòa thượng Hoàng Nghĩa chùa Giác Viên, hòa thượng Từ Văn chùa Hội Khánh, hòa thượng Huệ Tịnh chùa Linh Tuyền, hòa thượng Từ Vân chùa Tân Long, hòa thượng Hoàng Đạo chùa Hội Linh, hòa thượng Khánh Hòa chùa Tuyên Linh, sư Thiện Chiếu chùa Linh Sơn... Trong đó, hòa thượng Khánh Hòa và sư Thiện Chiếu có nhiều hoạt động

đưa Phật giáo Việt Nam thoát khỏi tình trạng suy thoái.

Trước thực trạng Phật giáo Nam Bộ sa sút, Hòa thượng Khánh Hòa (1877-1947) đã tới nhiều tổ đình lớn vận động chấn hưng Phật giáo và đã nhận được sự ủng hộ, hợp tác của các vị trưởng lão hòa thượng, trong đó điển hình là hòa thượng Huệ Quang, Pháp Hải, Khánh Anh. Năm 1923, hòa thượng Khánh Hòa đã triệu tập đại diện các tổ đình họp tại chùa Long Hòa ở Trà Vinh. Tại buổi họp, toàn thể mọi người nhất trí thành lập một tổ chức Phật giáo lấy tên là Hội Lục Hòa Liên hiệp với "mục đích là vận động thành lập một Hội Phật giáo Việt Nam toàn quốc làm cơ sở chấn hưng Phật giáo. Trong số những người cộng sự, có một vị tăng sĩ trẻ đầy nhiệt huyết là Thiện Chiếu, trụ trì chùa Linh Sơn - Sài Gòn" (Nguyễn Quốc Tuấn - Thích Đồng Bản, 2018: 12).

Vân Thanh (1974: 194) viết về sư Thiện Chiếu như sau: "Trừ Hòa thượng Khánh Hòa ra khắp ba kỳ Nam, Trung, Bắc thời này chưa có vị nào (bằng tuổi ngài) viết báo Việt được (đa số là chằng thông Việt văn), hạng lớn tuổi học và hạnh kiem, Hòa thượng Khánh Hòa là bậc nhất thời này. Về thanh niên tăng, sư Thiện Chiếu giỏi nhất thời này...", "Ở Việt Nam ta buổi này, người xem được báo Tàu cổ văn, tân văn, thanh niên tăng chỉ có sư Thiện Chiếu, trung niên và lão thành chỉ có Hòa thượng Khánh Hòa mà thôi" (Vân Thanh, 1974: 196).

Như vậy, hòa thượng Khánh Hòa và sư Thiện Chiếu là nguồn cảm hứng cho đoàn thể tăng già Trung Bộ và Bắc Bộ có những hành động cụ thể, đưa Phật giáo Việt Nam ra khỏi tình trạng suy thoái để phát triển. Phong trào chấn hưng Phật giáo Nam Bộ đã diễn ra chủ yếu theo hai khuynh hướng: thành lập các hội Phật giáo và tạp chí liên quan đến Phật giáo; hình thành các hệ phái Phật giáo mới.

3. KHUYNH HƯỚNG VẬN ĐỘNG CỦA PHẬT GIÁO NAM BỘ CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX

3.1. Khuynh hướng thành lập các hội Phật giáo và tạp chí liên quan đến Phật giáo

Việc thành lập các hội Phật giáo và xuất bản tạp chí chuyển tải nội dung, giáo lý Phật giáo ở thời kỳ này là điểm nhấn trong phong trào chấn hưng Phật giáo ở Nam Bộ. Ở đây, chúng tôi xin điểm qua một số hội Phật giáo ra đời trong thời gian này:

Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học (Hội Nghiên cứu và Bảo tồn Phật giáo ở Nam Kỳ) thành lập vào tháng 8/1931, trụ sở tại chùa Linh Sơn (Cầu Muối – Sài Gòn). Hội chủ là hòa thượng Từ Phong chùa Giác Hải (Chợ Lớn), hòa thượng Khánh Hòa là Phó nhất hội chủ, ông Trần Nguyên Chấn là Phó nhì hội chủ. Cơ quan ngôn luận của hội là tạp chí Từ Bi Âm do hòa thượng Khánh Hòa làm chủ nhiệm, hòa thượng Bích Liên là chủ bút. Tạp chí này ra số đầu tiên vào ngày 1/9/1932.

Liên đoàn Phật học xã thành lập năm 1933, trụ sở tại chùa Long Hòa tỉnh Vĩnh Long, chùa Long Phước ở Trà Ôn và chùa Viên Giác ở Bến Tre. Liên đoàn Phật học xã ngừng hoạt động sau 9 tháng hoạt động, do thiếu kinh phí.

Sau đó, các vị hòa thượng Khánh Hòa, hòa thượng Huệ Quang, hòa thượng Khánh Anh, hòa thượng Pháp Hải và một số cư sĩ như Huỳnh Thái Cửu, Nguyễn Văn Thọ, Nguyễn Văn Khỏe,... thành lập Hội Lương Xuyên Phật học vào tháng 3/1934. Hội đặt trụ sở tại chùa Long Phước ở Trà Vinh. Hội chủ là Huỳnh Thái Cửu, hòa thượng Khánh Hòa là Pháp sư, hòa thượng Huệ Quang làm giảng sư kiêm đồng lý. Tháng 4/1935, Hội Lương Xuyên Phật học mở lớp đào tạo khoảng 30 học tăng. Cơ quan ngôn luận là tạp chí Duy Tâm Phật học, chủ nhiệm tạp chí là hòa thượng Huệ Quang, chủ bút là ông Trần Huỳnh. Tạp chí này ra số đầu tiên vào ngày 1/10/1935.

Thiên Thai Thiền Giáo tông Liên Hữu hội (gọi tắt là Thiên Thai Thiền Giáo tông) do Hòa thượng Huệ Đăng cùng một số người thành lập năm 1934, trụ sở tại chùa Thiên Thai ở Bà Rịa. Hội trưởng là ông Phạm Hữu Đức, Hội phó là ông Thái Văn Chanh... Hội trưởng danh dự là các ông Esquivillon, Vincenti và ông Nguyễn Văn Vỹ là Hội phó... (là người làm việc trong chính quyền). Cơ quan ngôn luận của hội là tạp chí Bát Nhã Âm.

Hội Phật học Kiêm tế do sư Thiện Chiếu và hòa thượng Trí Thiên thành

lập năm 1936, trụ sở đặt tại chùa Tam Bảo ở Rạch Giá. Chánh tổng lý là hòa thượng Trí Thiên, các ông Nguyễn Văn Ngọc, Ngô Thành Nghĩa là Phó tổng lý. Cơ quan ngôn luận của hội là tạp chí Tiến Hóa.

Hội Phật giáo Cứu quốc do hòa thượng Thích Minh Nguyệt cùng các cư sĩ yêu nước thành lập vào cuối năm 1946 tại Đồng Tháp Mười. Trụ sở của hội đặt tại chùa Ô Môi ở Đồng Tháp Mười. Hội trưởng là hòa thượng Minh Nguyệt, Phó hội trưởng là hòa thượng Huệ Thành. Cơ quan ngôn luận của hội là tạp chí Tinh Tấn do hòa thượng Thích Minh Nguyệt làm chủ nhiệm.

Hội Phật học Nam Việt do cư sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền vận động thành lập vào năm 1950, trụ sở đặt tại chùa Khánh Hưng, sau dời sang chùa Phước Hòa. Năm 1958, Hội chuyển trụ sở đến chùa Xá Lợi – một ngôi chùa do ông đứng ra vận động xây dựng. Hội do ông làm Tổng thư ký và Hội trưởng từ năm 1955 cho đến khi ông mất⁽⁷⁾.

Ở miền Trung và miền Bắc các hội Phật giáo ra đời muộn hơn. Chẳng hạn như Hội An Nam Phật học ra đời vào năm 1932 do hòa thượng Giác Tiên, hòa thượng Phước Huệ, cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám thành lập. Cơ quan ngôn luận của hội là tạp chí Viên Âm⁽⁸⁾; Hội Tăng ni Chính Lý Bắc Việt thành lập năm 1949 do hòa thượng Tố Liên làm Hội trưởng. Tháng 9/1950, hội đổi tên là Giáo hội Tăng già Bắc Việt. Hòa thượng Mật

Ứng được bầu làm Thiền gia pháp chủ. Cơ quan ngôn luận của hội là tạp chí Phương Tiện do hòa thượng Tố Liên làm chủ nhiệm. Muộn hơn, có thể kể đến Giáo hội Tăng già Việt Nam thành lập năm 1951; Tổng hội Phật giáo Việt Nam thành lập ngày 9/5/1951 tại chùa Từ Đàm; Giáo hội Tăng già toàn quốc Việt Nam thành lập năm 1952, Giáo hội Lục Hòa tăng Việt Nam được thành lập năm 1952 và xuất bản tạp chí Phật học do thượng tọa Huệ Chí làm chủ bút...

Nhìn chung, các hội Phật giáo được thành lập ở Nam Bộ thời kỳ này chú trọng đến việc thành lập cơ quan ngôn luận là tạp chí nhằm chuyển tải nội dung Phật giáo bằng hình thức mới. Nhiều chủ đề xoay quanh giáo lý Phật giáo được đưa ra bàn luận, chẳng hạn có linh hồn bất tử không, có Thượng đế sáng tạo ra muôn vật không, Tây phương cực lạc có tồn tại hay không... Qua đó, những vấn đề liên quan đến Phật học đã được phổ rộng đến các tầng lớp nhân dân, đồng thời những bài viết kêu gọi chính đốn Phật giáo của hòa thượng Khánh Hòa, sư Thiện Chiếu trên tạp chí Phật hóa Tân thanh niên, Pháp Âm, Đông Pháp thời báo... " đã làm náo nức giới thanh niên phật tử lúc bấy giờ. Họ đòi hỏi phải có nhận thức, cách giải thích mới, cách tu hành mới đối với Phật giáo. Đồng thời họ yêu cầu được tham gia hoạt động xã hội" (Nguyễn Tài Thư, 1988: 434-435). Trong thực tế, tăng già Nam Bộ đã tham gia các hoạt động xã hội như: vào năm 1925,

1926, các nhà sư trẻ đã dự các cuộc diễn thuyết của Nguyễn An Ninh, Phan Châu Trinh ở Sài Gòn; hoặc tổ chức vận động đòi ân xá Phan Bội Châu; tham gia tổ chức đám tang Phan Châu Trinh...

Tuy nhiên, trước sự chi phối của thực dân Pháp, một số tổ chức Phật giáo ở Nam Bộ đã phân hóa theo các hướng khác nhau. "Một số tờ báo và tạp chí thì kiên trì được khuynh hướng tiến bộ và yêu nước, như: Phật hóa Tân thanh niên (Sài Gòn), Tiến Hóa (chùa Tam Bảo, Rạch Giá), Pháp Âm (Hội Cư sĩ Tịnh Độ, Chợ Lớn)... Một số khác thì thỏa hiệp với ý chí của Pháp và tư tưởng Phật giáo cổ truyền. Một số thì trở thành người cách mạng tiền phong như phật tử Nguyễn An Ninh, Thiện Chiếu... một số khác thì thái độ cầm chừng, yêu đạo ghét Pháp song không dám phản kháng. Một số người khác nữa thì chú trọng về mặt lễ nghi, mặt thoát tục" (Nguyễn Tài Thư, 1988: 440-441).

3.2. Khuynh hướng hình thành các hệ phái Phật giáo mới

Theo thượng tọa Thích Giác Tây (2014) do những biến động của lịch sử, Phật giáo miền Nam tách rời với miền Bắc, miền Trung và xuất hiện nhiều giáo phái, hệ phái mới; có trên 14 hệ phái khác nhau, hầu hết ra đời trong khoảng nửa cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX. Những hệ phái này liên tiếp ra đời đã tạo nên bản sắc văn hóa đa dạng cho vùng Nam Bộ thời bấy giờ, như: đạo Bửu Sơn Kỳ Hương (Đạo Lành) do ông Đoàn Minh Huyền

(1807-1856) sáng lập năm 1849 tại An Giang⁽⁹⁾; đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa (Đạo Hiếu Nghĩa) do ông Ngô Lợi (1831-1890) sáng lập năm 1867⁽¹⁰⁾; Phật giáo Hòa Hảo do ông Huỳnh Phú Sổ (1920-1947) sáng lập năm 1939 tại làng Hòa Hảo, tỉnh An Giang⁽¹¹⁾;... Hệ phái Khất sĩ và Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng là những hệ phái lớn trong 14 hệ thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Hệ phái Khất sĩ do nhà sư Minh Đăng Quang sáng lập vào năm 1946, tại chùa Linh Bửu với mục đích "Nói truyền Thích Ca chánh pháp". Năm 1947, ông xuất gia cho nhiều đệ tử và bắt đầu cho xây tịnh xá. Năm 1948, Hệ phái Khất sĩ truyền pháp ở Sài Gòn và dần dần phát triển khắp vùng tây - đông Nam Bộ. Theo thượng tọa Thích Giác Duyên (2014: 34-35): chiều ngày 30/1/1954, tại Tịnh xá Ngọc Quang (Sa Đéc), ngài tập trung đệ tử và ân cần dạy bảo vấn đề tu học và phát triển đạo rồi từ giã tịnh tu ở núi "Lửa". Sáng ngày mùng 1 tháng 2, ông cùng với trưởng lão Giác Thủy và tiểu sa di Giác Pháp đến Tịnh xá Ngọc Viên (Vĩnh Long). Tại đây, ông mời thân phụ và chị Ba của mình đến và dặn dò. Sau đó, ông cùng đoàn đến Cần Thơ. Nhưng khi qua Cái Vồn đoàn bị giữ lại đưa vào dinh của Trung tướng Trần Văn Soái (Năm Lửa)... Từ đó, mất hẳn tin tức về ông.

Về tôn chỉ, phương pháp tu tập của Hệ phái Khất sĩ là sự dung hợp hai đường lối tu tập của Phật giáo Nam tông và Phật giáo Bắc tông. Hàng

năm, "đến mùa Vu lan theo luật Phật chế phải hội về một nơi để sinh hoạt Tự tứ vào rằm tháng bảy. Đến lễ Tự tứ, mỗi vị xuất gia phải tự kiểm điểm hạnh đức, giới luật của chính mình, nhờ đại chúng chỉ bày những sai sót trên tinh thần lục hòa hoan hỷ và tập trung năng lực tinh thần cầu nguyện cho bá tánh. Ngày ấy quý vị tiện thay đổi y bát và cùng được tính thêm tuổi đạo" (Thích Giác Duyên, 2014: 43).

Hòa thượng Thích Trí Quảng cho rằng: "Về phương diện giới luật, Hệ phái Khất sĩ sử dụng giới bản của Đại thừa với những điểm dị biệt không đáng kể. Về văn hóa y phục và ẩm thực, Hệ phái Khất sĩ ăn trường chay như Đại thừa, quán y gần giống với phong cách truyền thống của Phật giáo Ấn Độ. Đây là sự dung hòa giữa bản sắc văn hóa Đại thừa và Nguyên thủy trong Hệ phái Khất sĩ. Về phương pháp tu trì, Hệ phái Khất sĩ chủ trương phát huy chánh niệm trong bốn oai nghi trong đời sống hằng ngày và thực tập thiền định, cũng như vận dụng các phương tiện thiện xảo để tiếp cận quần chúng, giáo hóa chúng sanh, vốn là sự cộng thông trong phương pháp hành trì của Nguyên thủy và Đại thừa..." (Viện Nghiên cứu Tôn giáo - Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam - Hệ phái Khất sĩ, 2014).

Về tổ chức, sau khi thu nhận đệ tử, đoàn du tăng khất sĩ được quy định: Tiểu giáo hội gồm 20 vị; Trung giáo hội: 100 vị; Đại giáo hội: 500 vị. Ban đầu, nhà sư Minh Đăng Quang vừa là bổn sư vừa là sư trưởng dạy dỗ đoàn

du tăng "thực hiện Tứ y pháp Trung đạo". Mỗi ngày đoàn du tăng hành đạo một nơi, nơi nào người tín tâm với đạo thì họ lưu lại và giảng đạo, nhưng mỗi nơi không quá ba tháng. Theo *Luật nghi Khất sĩ*, Tổ sư Minh Đăng Quang chia giáo hội ra thành hai đoàn du tăng và trụ xứ. Đoàn du tăng trực tiếp theo ngài hành đạo từ nơi này đến nơi khác. Ngược lại, đoàn trụ xứ ở những tịnh xá tu học và giáo hóa tín đồ. Theo quy định về phân giáo đoàn: "Người xuất gia mới nhập đạo phải theo Thầy ở chung trong Giáo hội 2 năm, kể đi tách riêng một mình 2 năm nữa. Trên 4 năm được thâu một người tập sự, trên 6 năm mới được thâu nhận một đệ tử và một người tập sự. Được trên 12 năm tách ra đi lập đạo riêng, dạy số đông" (*Luật Nghi Khất sĩ*, 1965: 39-40). Điều 83 trong *Luật Nghi Khất Sĩ* (1965: 238) "Cấm không đặng thiếu sót sự hành đạo của tăng, mỗi chỗ phải do Giáo hội chứng minh và các Giáo hội nhánh mỗi kỳ 3 tháng phải trình bày về trung ương một lần về sự tu học".

Từ năm 1948 đến năm 1953, nhà sư Minh Đăng Quang thường tổ chức hành đạo khắp các tỉnh Bình Dương, Biên Hòa, Vũng Tàu, Sài Gòn, Cần Thơ, Châu Đốc,... đồng thời xây cất tịnh xá. Trong khoảng thời gian 10 năm, ông đã xây được 27 ngôi tịnh xá ở Nam Bộ. Đến nay, Hệ phái Khất sĩ có khoảng 500 ngôi tịnh xá ở trong nước và hơn 50 tịnh xá ở nước ngoài. Các giáo đoàn tăng và ni đã phát triển không ngừng đến miền Trung, Tây

Nguyên và thành lập được 6 giáo đoàn tăng, 1 giáo đoàn ni và 4 phân đoàn ni. Ngoài ra, Hệ phái Khất sĩ đã có mặt ở một số nước như Mỹ, Canada, Úc, Pháp. (Giáo hội Phật giáo Việt Nam – Hệ phái Khất sĩ, 2014).

Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng do hòa thượng Thiện Phước Nhựt Ý (1924-1986) thuộc phổ hệ Lâm Tế đời thứ 41 sáng lập. Ngay từ thuở ban đầu thành lập, hòa thượng Nhựt Ý đã "dùng yếu chỉ của Tịnh Độ làm tâm tông độ chúng, không lập phái để quản chúng, không dùng giáo quyền để hành đạo lấy cương minh Tịnh Độ làm cương lĩnh, dùng pháp môn tu tứ nhiếp pháp và ba mươi bảy phẩm trợ đạo mà giáo hóa chúng" (Quan Âm Tu viện, 2016: 126). Về phương pháp tu tập, hòa thượng Nhựt Ý chú trọng các nghi lễ Tịnh Độ. Ông thường xuyên tổ chức các nghi lễ như: Lễ bái niệm Phật, phát nguyện niệm Phật, kinh hành niệm Phật, sám hối trong ba tháng, lục thời tụng kinh... Nổi bật nhất là các khóa niệm Phật Bá nhật trì danh, Phát nguyện niệm Phật và Lễ bái niệm Phật. Trong đó, khóa niệm Phật Bá nhật trì danh không chỉ được xem là tông chỉ tu hành đặc sắc của Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng mà còn là "hạnh tu của nhà sư Tịnh Độ Non Bồng" (Quan Âm Tu viện, 2016:127). Khóa niệm Phật này kéo dài trong 100 ngày, bắt đầu vào lúc 21 giờ ngày mùng 8 tháng 8 đến ngày 17 tháng 11 (âm lịch) hàng năm, tức đúng ngày kết lễ vía Phật A Di Đà. Trong 100 ngày

này, tăng ni, phật tử ngày đêm niệm Phật không ngừng nghỉ. Cội nguồn của khóa niệm Phật Bá nhật trì danh do hòa thượng Khánh Anh⁽¹²⁾ tổ chức tại Phật học đường Lương Xuyên ở tỉnh Trà Vinh. Theo hòa thượng Thích Giác Quang (2010: 208): "Năm 1934, Đức Pháp chủ thượng Khánh hạ Anh, mở trường Phật học Lương Xuyên ở Trà Vinh, [...], mở khóa 'Niệm Phật Bá nhật trì danh'". Sau này, hòa thượng Nhựt Ý kế nối, tiếp tục mở các khóa tu cho tăng ni, phật tử.

Theo *Bản nội quy Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng* thì cơ cấu tổ chức bao gồm Hội đồng Tông phong và Ban Chấp sự Hội đồng Tông phong. Tông trưởng phải là người nắm vững tông phong, sống đạo đức, có uy tín với tăng ni, phật tử trong và ngoài tông phái và phải được hội nghị toàn thể tăng ni, phật tử suy tôn. Hiện nay, Tông trưởng Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng là Ni trưởng Huệ Giác.

Hội đồng Tông phong Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng bao gồm: chư tăng, chư ni, cư sĩ nam và cư sĩ nữ. Ngoài ra, nếu tịnh nhân cư sĩ có phẩm hạnh tốt cũng được chọn cử vào hội đồng. Về số lượng thì tùy theo nhu cầu và do hội nghị bàn bạc; Ban Chấp sự do Hội đồng suy cử tại Hội nghị Hội đồng tông phong. Ban chấp sự bao gồm: 1. Chứng minh: Đức Sư Ông Bửu Đức; Đức tông chủ Thiện Phước; 2. Tông trưởng (hiện nay): Ni trưởng Huệ Giác; 3. Thành phần Ban Chấp sự: Cố vấn; Giám Luật tăng; Giám Luật ni; Tổng Thư ký; Ban Tăng sự; Ban

Hoàng pháp; Ban Thế học và Phật học; Ban Nghi lễ; Ban Từ thiện Xã hội; Ban Trang nghiêm; Ban Nông thiện; Ban Nghiên cứu học Phật và văn hóa nghệ thuật; Ban Dược sự; Ban Bảo trợ; Ban Kiểm soát. Như vậy, Ban Chấp sự Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng gồm 2 chứng minh; 1 tông trưởng và 15 chức danh. Ngoài ra, tại các tự viện của Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng trên cả nước, nếu lập riêng đạo tràng phật tử thì có nội quy sinh hoạt riêng trong phạm vi nội bộ tự viện, nhưng không làm mất quy củ tông phong và phải phụng thờ Đức Tông chủ tôn sư. Về nhân sự, Ban Chấp sự được bổ sung do nhu cầu Phật sự hoặc nhân sự khuyết tại hội nghị họp mặt hàng năm.

Trong các tự viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm phật đường, am, cốc, điện thờ Phật của Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng đều phụng thờ: Chứng minh Đạo sư Đức Sư Ông Bửu Đức; Tông chủ Thiện Phước Nhựt Ý. Theo thống kê Hệ phái Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng có 170 tự viện trên toàn quốc, 1.276 tăng ni và 1.350.000 tín đồ, Phật tử trong và ngoài nước sinh hoạt theo tông phong và hoạt động theo Hiến chương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (Nguyễn Văn Quý, 2018: 75)⁽¹³⁾. Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng dựa trên cơ sở kinh điển pháp tu Tịnh Độ xác lập tôn chỉ tu hành niệm Phật cầu vãng sinh Tịnh Độ. Do đó, hệ phái này chú trọng phát triển các nghi thức hành trì riêng, phù hợp để tín đồ, Phật tử trong bối cảnh lịch sử nhất định.

4. KẾT LUẬN

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Phật giáo ở Nam Bộ sau một thời gian suy thoái đã có sự chấn hưng bởi các vị sư, cư sĩ có tâm huyết. Thời kỳ này, Phật giáo Nam Bộ phát triển theo xu hướng hiện đại hóa tăng già theo hướng tổ chức đoàn thể ở phương Tây và tạp chí được phát hành nhằm giới thiệu nghiên cứu và truyền bá giáo lý Phật giáo trong hình thức mới, phù hợp với bối cảnh lịch sử. Do đó, xu hướng nghiên cứu Phật học và công tác xã hội nổi trội trong hoạt động của các hội này. Xu hướng hình thành các hội Phật giáo, tạp chí liên quan đến Phật giáo đã lan rộng ra miền Trung và miền Bắc Việt Nam những năm này. Bên cạnh việc thành lập các hội Phật giáo, Phật giáo Nam

Bộ xuất hiện các hệ phái Phật giáo mới. Sự ra đời của các hệ phái Phật giáo này là sự đổi mới uyển chuyển đáp ứng kịp thời tín ngưỡng của người dân Nam Bộ vốn ưu chuộng đạo Phật. Phương thức tổ chức, tôn chỉ, phương pháp tu tập của các hệ phái này đáp ứng nhu cầu tôn giáo của nhiều tầng lớp nhân dân Nam Bộ. Hiện nay, một số hệ phái như Hệ phái Khất sĩ, Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng ngày càng phát triển, không chỉ ở Nam Bộ, Trung Bộ hay Tây Nguyên mà còn hiện diện ở nhiều nước khác. Sự chuyển mình của Phật giáo Nam Bộ vào đầu thế kỷ XX đã thúc đẩy việc chấn hưng Phật giáo nước nhà, tiếp nối tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam. □

CHÚ THÍCH

(1) *Tạp chí Duy Tâm*, số 18. Cơ quan ngôn luận của Hội Lương Xuyên Phật học, thành lập năm 1934 tại chùa Long Phước, tỉnh Trà Vinh.

(2) *Tạp chí Đuốc Tuệ*, số 178. Cơ quan ngôn luận của Bắc Kỳ Phật giáo hội, thành lập năm 1934 tại chùa Quán Sứ, Hà Nội. Xem thêm: Nguyễn Quốc Tuấn và Thích Đồng Bản (chủ biên). 2018. *Hòa thượng Khánh Hòa với phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Hồng Đức, tr. 121.

(3) Và kết quả là sự ra đời của Hội Liên hữu Phật giáo Thế giới (The World Fellowship of Buddhist – WFB) năm 1950, Hội Tăng già Thế giới (The World Buddhist Sangha Council – WBSC) ra đời năm 1966.

(4) Ông là một sĩ quan, nhà báo, luật sư và là chủ tịch đầu tiên của Hội Thông Thiên học; là người đầu tiên thực hiện cải cách Phật giáo ở Sri Lanka, tạo tiền đề nghiên cứu Phật giáo và giáo dục Phật giáo theo hướng hiện đại.

(5) Ông là nhà văn, nhà hoạt động tiên phong trong phong trào chấn hưng Phật giáo ở Ấn Độ thông qua các buổi thuyết pháp tại Châu Á, Châu Âu và Bắc Mỹ.

(6) Ông đã thành lập các Hiệp hội Tăng giáo dục, Phật giáo Hợp tiến, Phật giáo Tổng hội, Phật giáo Liên hiệp... tại nhiều nước như Myanmar, Sri Lanka, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan làm cho phong trào cải cách Phật giáo lan rộng.

(7) Xem thêm Viện Nghiên cứu Tôn giáo - Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam. 2019. Kỷ yếu hội thảo khoa học *Cư sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền với Hội Phật học Nam Việt*. Chùa Phật học Xá Lợi, TPHCM.

(8) Xem chi tiết Viện Nghiên cứu Tôn giáo - Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Thừa Thiên Huế - Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo. 2019. Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám và những đóng góp với Hội An Nam Phật học*. Tổ đình Từ Đàm, Huế.

(9) Tôn chỉ hành đạo của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương là "học Phật - tu nhân", đề cao thực hành "tứ ân" bao gồm: Ân tổ tiên cha mẹ, Ân đất nước, Ân Tam bảo và Ân đồng bào nhân loại; đồng thời cổ vũ khẩn hoang tạo thành phong trào lan rộng ở miền Tây Nam Bộ lúc bấy giờ. Hiện nay, đạo Bửu Sơn Kỳ Hương có khoảng 15.000 tín đồ tập trung ở các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Sóc Trăng,...

(10) Đạo Hiếu Nghĩa chú trọng phát triển Phật giáo bằng hình thức cư sĩ tại gia. Cũng như Bửu Sơn Kỳ Hương, tôn chỉ hành đạo của Tứ Ân Hiếu Nghĩa là "tu nhân - học Phật" và trong thực hành nghi lễ có sự kết hợp hài hòa các đối tượng phụng thờ của Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo, thỏa mãn đời sống tâm linh của người dân thời kỳ này.

(11) Phật giáo Hòa Hảo lấy nền tảng giáo lý Phật giáo kết hợp với những bài sấm giảng giáo lý và thi văn giáo lý do ông Huỳnh Phú Sổ biên soạn. Cũng như Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, tôn chỉ hành đạo của Phật giáo Hòa Hảo là "học Phật - tu nhân", chú trọng phát triển tín đồ là cư sĩ tại gia. Hiện nay, Phật giáo Hòa Hảo có khoảng gần 100.000 tín đồ.

(12) Hòa Thượng Thích Khánh Anh (1895-1961), tục danh Võ Hóa, hiệu Khánh Anh, quê xã Phổ Nhì, tổng Lại Đức, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Năm 1916, ông quy y thọ giới và tu ở chùa Quang Lộc, tỉnh Quảng Ngãi. Năm 1917, ông thọ giới Sa di và nghiên cứu kinh, luật, luận, rồi thọ giới Tỳ kheo, Bồ tát, pháp hiệu là Khánh Anh. Năm 1927, ông dạy học tại trường Gia Giáo, chùa Giác Hoa, tỉnh Bạc Liêu; năm 1931 ông về trụ trì chùa Long An, quận Trà Ôn, tỉnh Cần Thơ. Ở đây, ông có nhiều đệ tử, Phật tử đến cầu học. Năm 1932, ông nhận chức Pháp sư giảng dạy cho Liên đoàn Học xã tại chùa Thiên Phước, quận Trà Ôn (3 tháng); chùa Rạch Miễu, tỉnh Mỹ Tho (3 tháng). Năm 1935, ông nhận chức Đốc giáo tại Phật học đường Lương Xuyên, tỉnh Trà Vinh; hợp tác với hòa thượng Lê Khánh Hòa, hòa thượng Huệ Quang để xây dựng cơ sở đào tạo Tăng tài. Hòa thượng viết báo nhằm cổ xúy phong trào chấn hưng Phật giáo. Năm 1940, ông làm Pháp sư dạy tại chùa Thiên Phước, chùa Linh Phong... Năm 1942, hòa thượng về trụ trì chùa Phước Hậu, quận Trà Ôn, tỉnh Cần Thơ. Tại đây, ông mở lớp Phật pháp cho Phật học cư sĩ. Năm 1945, hòa thượng đến dạy cho tăng ni tại chùa Long Hòa, quận Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Năm 1946, hòa thượng nhập thất tại chùa Phước Hậu để nghiên cứu *Tam tạng kinh*, soạn thảo, phiên dịch rất nhiều kinh sách. Năm 1955, Hội Phật học Nam Việt thỉnh hòa thượng vào Ban Chứng minh đạo sư. Ngày mùng 1 tháng 3 năm 1957, toàn thể Đại hội Tăng, Ni và Phật tử miền Nam tại chùa Ấn Quang suy tôn hòa thượng lên ngôi pháp chủ để lãnh đạo tinh thần Phật giáo miền Nam. Năm 1959, tại Chùa Ấn Quang, tại Đại hội Giáo hội Tăng già toàn quốc lần thứ 2 đã long trọng suy tôn hòa thượng lên ngôi Thượng thủ Giáo hội Tăng già toàn quốc. Hòa thượng luôn luôn niệm Phật để cầu sanh Tây phương. Ngày 30/1/1961, ngài viên tịch tại chùa Phước Hậu. Nguồn dẫn: <http://vncphathoc.com/tieu-su-chu-to/tieu-su-hoa-thuong-thich-khanh-anh>, truy cập ngày 28/5/2021.

(13) Xem thêm: Quan Âm Tu viện. 2016. Chương IX: *Những tự, viện, tịnh xá, tịnh thất, đạo tràng chư tăng ni trụ trì thuộc hệ thống môn phong Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng (từ năm 1920-2016)*, tr. 193-206.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đỗ Quang Hưng (chủ biên). 2001. *Tôn giáo và mấy vấn đề tôn giáo Nam Bộ*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
2. Giáo hội Phật giáo Việt Nam - Hệ phái Khất sĩ. 2014. *100 ngôi tịnh xá tiêu biểu*. TPHCM: Nxb. Tổng hợp TPHCM.
3. <http://vncphathoc.com/tieu-su-chu-to/tieu-su-hoa-thuong-thich-khanh-anh>, truy cập ngày 28/5/2021.
4. *Luật Nghi Khất sĩ*. 1965.
5. Nguyễn Tài Thư (chủ biên). 1988. *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
6. Nguyễn Quốc Tuấn - Thích Đồng Bổn (chủ biên). 2018. *Hòa thượng Khánh Hòa với phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Hồng Đức.
7. Nguyễn Văn Quý. 2018. “Tìm hiểu về Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng: Tiếp cận sử học tôn giáo”. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 10 (510).
8. Quan Âm Tu viện. 2016. *Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng - 57 năm hình thành và phát triển*. Hà Nội: Nxb. Hồng Đức.
9. *Tạp chí Đạo Đức*, số 178 - Cơ quan ngôn luận của Bắc Kỳ Phật giáo hội.
10. *Tạp chí Duy Tâm*, số 18 - Cơ quan ngôn luận của Hội Lương Xuyên Phật học.
11. Thạch Phương, Hồ Lê, Huỳnh Lứa, Nguyễn Quang Vinh. 1992. *Văn hóa dân gian người Việt ở Nam Bộ*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
12. Thích Giác Duyên. 2014. *Hệ phái Khất sĩ 70 hình thành và phát triển*. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo.
13. Thích Giác Quang. 2010. *Tịnh Độ giảng lược*. Hà Nội: Nxb. Phương Đông.
14. Vân Thanh. 1974. *Lược khảo Phật giáo sử Việt Nam qua các thời đại và phát nguồn của các giáo phái Phật giáo*. Sài Gòn. Phật học viện và chùa xuất bản.
15. Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Đại học Quốc gia TPHCM. 2015. *Phật giáo vùng Mê-Kông: lịch sử và hội nhập*. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM.
16. Viện Nghiên cứu Tôn giáo - Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Thừa Thiên Huế - Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo. 2019. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám và những đóng góp với Hội An Nam Phật học*. Huế. Tổ đình Từ Đàm.
17. Viện Nghiên cứu Tôn giáo - Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam. 2019. *Kỷ yếu hội thảo khoa học Cư sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền với Hội Phật học Nam Việt*. TPHCM. Chùa Xá Lợi.
18. Viện Nghiên cứu Tôn giáo - Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam - Hệ phái Khất sĩ. 2014. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Hệ phái Khất sĩ: Quá trình hình thành, phát triển và hội nhập*. Pháp viện Minh Đăng Quang, TPHCM.